

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HOÀ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2023
V/v: “Ly hôn, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH, TỈNH KHÁNH HOÀ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Bửu Nhuận**
- Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Văn Hoạt**
Ông **Nguyễn Đại Hải**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Mai Nữ Thanh Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Văn Khánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **V**, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Bị đơn: Bà **T**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà **N**, sinh năm 1937.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Ông **Y**, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Ông **H**, sinh năm 1962.

4. Bà **X**, sinh năm 1965.

Cùng trú tại: Tổ dân phố H, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Ông H và bà X có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề các ngày 21/9/2022, ngày 31/10/2022; bản tự khai ngày 07/11/2022, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông V trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Phúc Bắc, huyện Cam Ranh (nay là thành phố Cam Ranh), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 quyển số 01/2003 ngày 20/01/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, bà T có những lời lẽ xúc phạm gia đình ông. Nay tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Giữa ông và bà T có 03 con chung gồm cháu B, sinh ngày 05/10/2003, cháu V, sinh ngày 09/8/2005, cháu N, sinh ngày 12/9/2008. Cháu B đã thành niên nên ông không yêu cầu giải quyết. Ông đề nghị Tòa án giao hai con chung chưa thành niên là cháu V và cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông cấp dưỡng nuôi hai con chung chưa thành niên với số tiền 2.000.000 đồng/một tháng/một cháu.

- Về tài sản chung: Ông và bà T có tài sản chung là thửa đất số 351, tờ bản đồ số 57, diện tích 99,3m² tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 4, phường Cam Phúc Bắc, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH04644 do UBND thành phố Cam Ranh cấp ngày 22/8/2017, trên đất hiện nay có 01 căn nhà cấp bốn. Nguồn gốc thửa đất và tài sản trên đất là do cha mẹ ông tạo lập, xây dựng nhà và cho hai vợ chồng tôi.

Ông đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung nêu trên theo hướng chia tài sản chung dựa trên công sức tạo lập lên khối tài sản chung của vợ chồng vì nhà đất này là của cha mẹ ông tạo lập nên và cho lại hai vợ chồng nên ông yêu cầu được nhận 60% giá trị tài sản chung, còn lại chia cho bà T 40% giá trị tài sản chung, ông yêu cầu được nhận hiện vật là nhà đất và hoàn lại giá trị bằng tiền cho bà T.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 25/10/2022, ngày 25/11/2022, trong quá trình tố tụng bị đơn bà T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà có đăng ký kết hôn và chung sống với ông V từ năm 2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau ông V có hành động ngược đãi vợ con, đuổi 04 mẹ con ra khỏi nhà, thường xuyên nhậu nhẹt chửi bới xúc phạm và đánh nạt bà. Nay ông V muốn ly hôn với bà thì bà đồng ý.

- Về con chung: Giữa bà và ông V có 03 con chung gồm cháu B, sinh ngày 05/10/2003, cháu V, sinh ngày 09/8/2005, cháu N, sinh ngày 12/9/2008. Cháu B

đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà đồng ý nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung chưa thành niên là cháu V và cháu N. Bà yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con chung chưa thành niên với số tiền 3.000.000 đồng/một tháng/một cháu cho đến khi hai cháu đủ mười tám tuổi.

- Về tài sản chung: Giữa hai vợ chồng có 01 thửa đất số 351, tờ bản đồ số 57, diện tích 99,3m² tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 4, phường Cam Phúc Bắc, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH04644 do UBND thành phố Cam Ranh cấp ngày 22/8/2017, trên đất hiện nay có một căn nhà cấp 04. Bà yêu cầu Tòa án chia đôi mỗi bên nhận ½ giá trị tài sản chung, bà đề nghị Tòa án tiến hành thẩm định giá tài sản nếu lúc đó bà đủ tiền thì yêu cầu Tòa án cho bà được nhận hiện vật, nếu trong trường hợp bà không đủ tiền để hoàn lại ½ giá trị thì bà đồng ý cho ông V nhận hiện vật và ông V có nghĩa vụ hoàn lại cho bà ½ giá trị tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2023 người làm chứng bà N trình bày:

Bà là mẹ ruột của ông V, về nguồn gốc thửa đất số 351, tờ bản đồ số 57, diện tích 99,3m² tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 4, phường Cam Phúc Bắc, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa là vào năm 2002 bà và chồng bà là ông L mua lại của ông C với giá 19 cây vàng, khi mua chỉ có đất không, giữa hai bên chỉ làm giấy viết tay. Đến năm 2017 thì vợ chồng bà tự bỏ tiền ra xây hai căn nhà giống nhau trên diện tích đất này, một căn cho con trai H, căn còn lại cho vợ chồng V T. Cùng thời điểm năm 2017 thì vợ chồng bà sang tên lại nhà đất cho vợ chồng V T và bà cũng sống chung với vợ chồng V T trên đất này cho đến nay, một thời gian sau thì chồng bà mất, bà mong Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho bà và con bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2023 người làm chứng ông N trình bày:

Ông là con trai của ông C là người đã bán thửa đất số 351, tờ bản đồ số 57, diện tích 99,3m² tại tổ dân phố Hòa Do 4, phường Cam Phúc Bắc, thành phố Cam Ranh. Vào năm 2002 cha ông là ông C có sang nhượng cho vợ chồng ông L, bà N thửa đất nêu trên với giá 19 cây vàng, khi bán chỉ có đất không. Việc mua bán ký giấy viết tay, có tất cả anh chị em của ông cùng ký vào nên ông biết rõ việc mua bán này.

Tại phiên toà:

- Ông V giữ nguyên yêu cầu Tòa án cho ly hôn giữa ông và bà T; về con chung ông đề nghị Tòa án xem xét theo nguyện vọng của các con chung chưa thành niên, trường hợp Tòa án giao hai con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng thì ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông đề nghị Hội đồng xét xử bổ sung ông H và bà X là người làm chứng trong vụ án.

- Bà T đồng ý ly hôn với ông V; về con chung thì đề nghị Tòa án xem xét

dựa trên nguyện vọng của các con chung chưa thành niên; về tài sản chung thì bà đề nghị Hội đồng xét xử giao toàn bộ tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà được nhận hiện vật và bà sẽ hoàn trả lại cho ông V 50% giá trị tài sản chung bằng tiền theo giá Biên bản định giá của Hội đồng định giá đã xác định, đồng thời cung cấp cho Hội đồng xét xử các tài liệu chứng cứ gồm đơn xin xác nhận sự việc ngày 24/4/2023 (bản sao), lời khai của người làm chứng ngày 20/4/2023, thông báo số định danh cá nhân của B và V (bản photocopy), hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI752950 mang tên V, T (bản photocopy).

- Người làm chứng ông H khẳng định nguồn gốc thửa đất và tài sản gắn liền với đất mà ông V với bà T đang yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là của cha mẹ ông là ông L và bà N nhận chuyển nhượng năm 2004, sau đó cha mẹ ông tặng cho lại toàn bộ thửa đất này cho ông, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2017 ông đã làm thủ tục tặng cho lại một phần thửa đất cho vợ chồng ông V và bà T vì lý do ông ở xa nên không chăm sóc được mẹ già và đây cũng là nguyện vọng của cha mẹ ông, toàn bộ tài sản trên thửa đất này là do cha mẹ ông bỏ tiền ra xây dựng nên. Khi làm thủ tục tách thửa và sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V và bà T thì ông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền lúc đó hướng dẫn ông phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để hợp thức hóa việc tách thửa tặng cho lại vợ chồng ông V bà T, ông không nhận bất cứ khoản tiền nào từ vợ chồng ông V và bà T.

- Người làm chứng bà X xác nhận toàn bộ lời trình bày của ông H là hoàn toàn đúng sự thật.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, về quan hệ pháp luật tranh chấp thì đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, chia tài sản chung và nuôi con chung”. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V cụ thể:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông V và bà T.

Về con chung: Giao hai con chung chưa thành niên là cháu V, sinh ngày 09/8/2005, cháu N, sinh ngày 12/9/2008 cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, con chung B đã thành niên các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung: Giao cho ông V quyền quản lý, sử dụng tài sản là thửa đất số 351, tờ bản đồ số 57, diện tích 99,3m² và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại tổ dân dân phố Hòa Do 4, phường Cam Phúc Bắc, thành phố Cam Ranh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông V có nghĩa vụ phải hoàn lại cho bà T 40% giá trị bằng tiền của tài sản chung theo Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá.

Về án phí và chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Ly hôn, chia tài sản chung”, do bị đơn là bà T cư trú tại phường C, thành phố Cam Ranh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bổ sung ông H và bà X tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng trong vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử chấp nhận xác định ông H và bà X là người làm chứng trong vụ án.

Đối với các tài liệu chứng cứ bị đơn cung cấp tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu gồm đơn xin xác nhận sự việc ngày 24/4/2023 (bản sao), lời khai của người làm chứng ngày 20/4/2023, các tài liệu còn lại là bản photocopy nên không chấp nhận, đồng thời Hội đồng xét xử tiến hành công khai các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cam Ranh gồm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2017, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI752950 mang tên V, T, mảnh trích đo địa chính số 84-2017 để các đương sự tiếp cận theo quy định.

Vụ án được thụ lý theo thủ tục rút gọn, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án phải tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật nên đã có thông báo chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 20/01/2003 tại UBND thị trấn phường Cam Phúc Bắc, huyện Cam Ranh (nay là thành phố Cam Ranh), tỉnh Khánh Hòa. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông V và bà T thống nhất đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, cho ông V được ly hôn với bà T để tạo điều kiện cho hai bên ổn định cuộc sống riêng.

[3.2] Về con chung: Ông V và bà T có ba con chung là cháu B, sinh ngày 05/10/2003, cháu V, sinh ngày 09/8/2005, cháu N, sinh ngày 12/9/2008. Cháu B đã thành niên các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con chung chưa thành niên là cháu V và N, Hội đồng xét xử xét thấy, hai cháu V và N có nguyện vọng được ở với bố, các đương sự cũng thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự

thỏa thuận giao hai con chung chưa thành niên cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung:

[3.3.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông V và bà T thống nhất tài sản chung của vợ chồng như sau: Một lô đất thuộc thửa đất số 351, tờ bản đồ số 57, diện tích 99,3m² tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 4, phường Cam Phúc Bắc, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, được UBND thành phố Cam Ranh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI752950, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04644 ngày 22/8/2017. Trên đất gồm các tài sản là: Cổng trụ gạch cánh thép tấm và thép hình, kích thước 4,75m x 2,05m, tường xây gạch kích thước 5,05m x 2,05m; mái che lợp mái tôn, cột kèo sắt, nền gạch men diện tích là 24,2m²; một căn nhà cấp 04 móng đá chẻ hai lớp, tường xây gạch dày 100-200, bể trụ, tường sơn nước (ốp đá mặt tiền), nền gạch men, sảnh bê tông cốt thép, cửa chính gỗ, trần la phong thạch cao, mái tôn, cửa sổ nhôm kính kết hợp khung bảo vệ bằng inox, có hệ thống điện nước đầy đủ, nhà vệ sinh hoàn chỉnh.

[3.3.2] Xét về công sức đóng góp để tạo lập lên khối tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Về nguồn gốc thửa đất số 351 tờ bản đồ số 57, diện tích 99,3m² trên đất có các tài sản như đã xác định ở mục [3.3.1] tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 4, phường Cam Phúc Bắc, thành phố Cam Ranh là do ông L và bà N là cha mẹ đẻ của ông V nhận chuyển nhượng lại từ ông C ngày 26/3/2004 theo giấy sang nhượng nhà và đất thổ cư (BL số 59). Sau đó, ông H là anh trai của ông V và là con trai của ông L, bà N xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất, năm 2017 ông H và vợ là bà X đã lập hợp đồng chuyển nhượng để tách một phần thửa đất mà cha mẹ ông đã tạo lập để tặng cho lại vợ chồng ông V và bà T do ông ở xa nên không có điều kiện chăm sóc mẹ già. Mặt khác, theo lời khai của những người làm chứng bà N, ông N về nguồn gốc thửa đất và tài sản gắn liền với đất hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng ông H và bà X tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác như giấy sang nhượng nhà và đất thổ cư (BL số 59), hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2017 giữa ông H bà X cho vợ chồng ông V, bà T có trong hồ sơ vụ án; tại phiên tòa bị đơn bà T cũng xác nhận nguồn gốc toàn bộ tài sản chung tại mục [3.3.1] nêu trên là do cha mẹ chồng bà là ông L và bà N tạo dựng lên.

Khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang tranh chấp thì thấy hiện nay bà N vẫn đang sinh sống trên tài sản chung này, bên cạnh đó, ông V cũng đồng ý nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung chưa thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, ông V là người đang trực tiếp chăm sóc mẹ là bà N và không có chỗ ở nào khác.

Như vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được nhận tài sản chung là hiện vật và hoàn trả lại cho bị đơn 40% giá trị tài sản chung theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá là hoàn toàn có căn cứ, đúng với công sức đóng góp để tạo lập nên tài sản chung của các bên và phù hợp với quy định tại các Điều 59 và 62 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3.3] Theo Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá thì tổng giá trị tài sản chung là 1.792.062.420 đồng (*Một tỷ bảy trăm chín hai triệu không trăm sáu hai nghìn bốn trăm hai mươi đồng*). Giao hiện vật là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông V quản lý sử dụng, đồng thời ông V phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà T số tiền 716.825.000 đồng (*Bảy trăm mười sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tương ứng với 40% giá trị tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Ông V và bà T tự nguyện thỏa T mỗi người chịu ½ chi phí thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tài sản với tổng số tiền là 5.174.000 đồng (*Năm triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*), nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 59, 62, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 213, 219, 220 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông V và bà T.

1.2 Về con chung: Giao hai con chung là cháu V, sinh ngày 09/8/2005, cháu N, sinh ngày 12/9/2008 cho ông V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Giao cho ông V được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 351, tờ bản đồ số 57, diện tích 99,3m² tọa lạc tại tổ dân phố Hòa Do 4, phường Cam Phúc Bắc, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, được UBND thành phố

Cam Ranh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI752950, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04644 ngày 22/8/2017. Trên đất gồm các tài sản là: Cổng trụ gạch cánh thép tấm và thép hình, kích thước 4,75m x 2,05m, tường xây gạch kích thước 5,05m x 2,05m; mái che lợp mái tôn, cột kèo sắt, nền gạch men diện tích là 24,2m²; một căn nhà cấp 04 móng đá chẻ hai lớp, tường xây gạch dày 100-200, bể trụ, tường sơn nước (ốp đá mặt tiền), nền gạch men, sảnh bê tông cốt thép, cửa chính gỗ, trần la phong thạch cao, mái tôn, cửa sổ nhôm kính kết hợp khung bảo vệ bằng inox, có hệ thống điện nước đầy đủ, nhà vệ sinh hoàn chỉnh. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông V có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T 40% giá trị tài sản chung tương ứng với số tiền là 716.825.000 đồng (*Bảy trăm mười sáu triệu tám trăm hai lăm nghìn đồng*).

1.4 Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Ông V được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại mục 1.3 nêu trên.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tổng số tiền là 5.174.000 đồng (*Năm triệu một trăm bảy tư nghìn đồng*), ông V đã nộp tạm ứng đủ. Bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông V số tiền 2.587.000 đồng (*Hai triệu năm trăm tám bảy nghìn đồng*).

Đối trừ nghĩa vụ tại mục 1.3 nêu trên thì ông V có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bà T số tiền là 716.825.000 đồng - 2.587.000 đồng = 714.238.000 đồng (*Bảy trăm mười bốn triệu hai trăm ba tám nghìn đồng*).

4. Về án phí:

Ông V phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 44.257.123 đồng tiền án phí đối với tài sản chung được chia nhưng được trừ vào số tiền 5.150.000 đồng (*Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2021/0007342 ngày 05 tháng 10 năm 2022 và biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2022/0000267 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Như vậy, ông V còn phải nộp số tiền 39.407.123 đồng (*Ba chín triệu bốn trăm linh bảy nghìn một trăm hai ba đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà T phải nộp 32.673.000 đồng (*Ba hai triệu sáu trăm bảy ba nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với phần tài sản chung được chia.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

* *Quy định:*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải trả thì

hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Cam Ranh;
- Chi Cục THADS Tp. Cam Ranh;
- UBND phường Cam Phúc Bắc, Tp.Cam Ranh
(số 06, quyển số 01/2003 ngày 20/01/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bửu Nhuận

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Hoạt Nguyễn Đại Hải

Nguyễn Bửu Nhuận

